

Số: 210/QĐ-STTTT

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thực hiện dự toán
thu - chi ngân sách Nhà nước quý III năm 2022

GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1868/QĐ-UBND.HC ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị hành chính sự nghiệp cấp tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý III năm 2022 của Sở Thông tin và Truyền thông.

(Kèm theo 02 phụ lục).

Điều 2. Chánh Văn phòng sở, Trưởng các phòng chuyên môn, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp và toàn thể cán bộ công chức Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBND Tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Giám đốc và PGĐ Sở
- Trang Thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, VP, (D)

GIÁM ĐỐC

Đoàn Thanh Bình

Phụ lục 01

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 210/QĐ-STTTT ngày 10 tháng 10 năm 2022)

(Đơn vị: Văn phòng Sở)

Chương 427

Mã QHNS: 1028575

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Sở Thông tin và Truyền thông công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý III năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	20.000.000	12.732.000	64	1074.4
1	Lệ phí	19.000.000	12.732.000	67	1074.4
	Lệ phí cấp phép tài liệu XB không kinh doanh	19.000.000	12.732.000	67	1074.4
2	Phí	1.000.000	15.000.000	0	
	Phí thẩm định hoạt động bưu chính	1.000.000	15.000.000	0	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	2.000.000	1.273.200	64	93
1	Lệ phí	1.900.000	1.273.200	67	93

	Lệ phí cấp phép tài liệu XB không kinh doanh	1.900.000	1.273.200	67	107.4
2	Phí	100.000	-	0	
	Phí thẩm định hoạt động bưu chính	100.000	-	0	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	36.110.447.000	4.111.292.049	11.39	194.64
1	Chi quản lý hành chính	12.468.691.000	3.879.843.749	31.12	212.35
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.083.492.000	933.937.379	22.87	105.03
	Tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	65.000.000			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	8.385.199.000	2.945.906.370	35.13	314.09
2	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	9.413.000.000	-		
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.413.000.000	-		
3	Chi hoạt động kinh tế	7.073.336.000	5.779.000	0.08	9.63
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.073.336.000	5.779.000	0.08	2.57
4	Chi sự văn hóa	877.720.000	225.669.300	25.71	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	877.720.000	225.669.300	25.71	
5	Chi Chương trình mục tiêu Quốc gia	5.900.000.000	-		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (năm 2021 mang sang)	5.900.000.000	-		
6	Kinh phí sự nghiệp đào tạo	80.700.000	-		
6.1	<i>Đào tạo khác trong nước</i>	80.700.000	-		
6.2	<i>Khen thưởng ngành giáo dục</i>				
7	Chi sự văn hóa thông tin (CTMTQG)	297.000.000	-		
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	297.000.000	-		
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Phụ lục 02

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 210 /QĐ- STTTT ngày 10 tháng 10 năm 2022)

(Đơn vị: Trung Tâm Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp)

Chương 427

Mã QHNS:1039415

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Sở Thông tin và Truyền thông công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý III năm 2022 Trung Tâm Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp như sau:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.999.000.000	863.131.372	17.27	138.37
1	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-			
	<i>Đào tạo khác trong nước</i>				
	<i>Khen thưởng ngành giáo dục</i>				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế	4.999.000.000	863.131.372	17.27	72.27
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.813.000.000	455.465.332	25.12	135.48
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.155.000.000	407.666.040	12.92	141.74
6.3	Kinh phí cải cách tiền lương	31.000.000			
7	Hoạt động sự nghiệp	1.476.385.000	111.985.377	7.59	0
7.1	Kinh phí hoạt động sự nghiệp	1.476.385.000	111.985.377	7.59	0
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				